

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: **31/2019/KDTM-ST**
Ngày: 18/11/2019

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH**

*"V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng, thế chấp"*

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thái

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Như Hoa – ông Nguyễn Công Thẩm

Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thị Minh – Thư ký tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Phương Thảo – chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 80/2019/TLST-KDTM ngày 24 tháng 07 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 10 năm 2019 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: số 89, đường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn Anh – Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, VPBank hội sở.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Tú – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Vpbank AMC.

Địa chỉ: số 113, đường Trường Chinh, thành phố Vinh, Nghệ An

Ông Tú có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1993, bà Phạm Thị Vân A, sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm 5, xã Ng, thành phố V, Nghệ An

Anh D, chị Vân A vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/05/2019, lời khai tại bản tự khai, lời trình bày trong quá trình tố tụng, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A vay của VPBank Chi nhánh Nghệ An – PGD Nguyễn Văn Cừ, địa chỉ tại: số 218 đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng số tiền là: 1,000,000,000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1712290417415 ký ngày 3/1/2018, khế ước nhận nợ lần: 01/ Số: LN1712290417415 ngày 04/01/2018; số tiền vay: 900,000,000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng chẵn*), thời hạn vay: 09 tháng; mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh buôn bán thịt bò, thịt lợn; lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là: 11%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất sẽ được cố định trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 3 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/04/2018, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất bán vốn của của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4.5%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi phạt chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/LN0010234/201801/02 ngày 4/1/2018; số tiền vay: 100,000,000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn*); thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình; lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là: 20%/năm. Lãi suất sẽ được cố định trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 3 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/07/2018, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất bán vốn của của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 12%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại xóm 8, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BD 691056. Sổ vào cấp GCN: CH 13398/ số 112-QĐUBND(2012) do UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cấp ngày 11/01/2012. Ngày 03/01/2017, tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đăng ký tặng cho bà Phạm Thị Vân A. Xác lập thế chấp

tại VPBank theo theo hợp đồng thế chấp công chứng số 24 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2018 tại văn phòng công chứng Thành An.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 18/11/2019, ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A đã thanh toán số tiền: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1712290417415 ký ngày 3/1/2018; nợ gốc: 6,126 đồng; nợ lãi: 66,190,52 đồng; tổng cộng: 66,196,652 đồng; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/LN0010234/201801/02 ngày 4/1/2018; nợ gốc: 8,377,017 đồng; nợ lãi: 2,759,683 đồng; tổng cộng: 21,136,700 đồng

Tạm tính đến 18/11/2019 ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A còn nợ VPBank số tiền: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1712290417415 ký ngày 3/1/2018: Nợ gốc: 899,993,866 đồng; nợ lãi: 205,262,188 đồng; tổng cộng: 1,105,256,054 đồng. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/LN0010234/201801/02 ngày 4/1/2018: nợ gốc: 91,662,983 đồng, nợ lãi: 34,916,124 đồng, tổng cộng: 126,539,107 đồng

Yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với VPBank, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 18/11/2019 khoản tiền này là:

Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1712290417415 ký ngày 3/1/2018; nợ gốc: 899,993,866 đồng; nợ lãi: 205,262,188 đồng; tổng cộng: 1,105,256,054 đồng.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/LN0010234/201801/02 ngày 4/1/2018: Nợ gốc: 91,662,983 đồng, nợ lãi: 34,916,124 đồng, tổng cộng: 126,539,107 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: VPBank có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên , bán đấu giá phát mại các tài sản của ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A để thu hồi nợ cho VPBank, cụ thể tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại xóm 8, xã Ng, thành phố V, tỉnh

Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BD 691056. Sổ vào cấp GCN: CH 13398/ số 112-QĐUBND(2012) do UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cấp ngày 11/01/2012. Ngày 03/01/2017, tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đăng ký tặng cho bà Phạm Thị Vân A. Xác lập thế chấp tại VPBank theo theo hợp đồng thế chấp công chứng số 24 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2018 tại văn phòng công chứng Thành An. Được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/01/2018 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh.

Quá trình tố tụng phía bị đơn là ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A vắng mặt, Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông D, bà Vân A không có văn bản trả lời Thông báo về việc thụ lý vụ án gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Vinh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu quan điểm: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, việc tuân thủ pháp luật của HĐXX tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1712290417415 ký ngày 3/1/2018, xác định về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30. Bị đơn ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Lan A có địa chỉ tại xã Ng, thành phố V, Nghệ An, theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do hoặc sự kiện bất khả kháng nên Tòa án nhân dân thành phố Vinh tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A vay của VPBank Chi nhánh Nghệ An – PGD Nguyễn Văn Cừ, địa chỉ tại: số 218 đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng số tiền là: 1,000,000,000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1712290417415 ký ngày 3/1/2018, khế ước nhận nợ lần: 01/ Số:

LN1712290417415 ngày 04/01/2018; số tiền vay: 900,000,000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm triệu đồng chẵn*), thời hạn vay: 09 tháng; mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn kinh doanh buôn bán thịt bò, thịt lợn; lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là: 11%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất sẽ được cố định trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 3 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/04/2018, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất bán vốn của của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4.5%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi phạt chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/LN0010234/201801/02 ngày 4/1/2018; số tiền vay: 100,000,000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn*); thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình; lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là: 20%/năm. Lãi suất sẽ được cố định trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 3 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/07/2018, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: Lãi suất bán vốn của của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 12%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Hai bên giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung của hợp đồng, nên Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Vân A có ký hợp đồng tín dụng với nhau là có thật và hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Vân A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo hợp đồng mà hai bên cam kết thỏa thuận, vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi suất đã ký với ngân hàng. Do vậy, việc ngân hàng yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi suất, xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nợ gốc: Phía bị đơn đã nhận đủ số tiền nợ gốc theo hợp đồng đã giao kết, quá trình thực hiện hợp đồng chưa trả tiền nợ gốc nên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Tổng số tiền nợ gốc là 991.616.849 đồng (chín trăm chín mươi một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng).

Về lãi suất: Ngân hàng cùng ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Vân A đã cùng nhau cam kết thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng, thỏa thuận về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với khoản 2, 3 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) nên cần chấp nhận buộc ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Vân A phải thanh toán tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Tổng nợ lãi 240.178.312 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, một trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm mười hai đồng).

Từ những phân tích trên, đủ căn cứ buộc ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Vân A phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền nợ: nợ gốc là: 991.616.849 đồng (chín trăm chín mươi một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi: 240.178.312 đồng (hai trăm bốn mươi triệu, một trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm mười hai đồng). Tổng dư nợ: 1.231.795.161 đồng (*bằng chữ: Một tỷ, hai trăm ba mươi một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm mười sáu đồng*).

Về tài sản bảo đảm khoản vay: Để bảo đảm cho khoản vay, ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Vân A đã thế chấp tài sản gồm: “Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại xóm 8, xã Ng, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BD 691056. Sổ vào cấp GCN: CH 13398/ số 112-QĐUBND(2012) do UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cấp ngày 11/01/2012. Ngày 03/01/2017, tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đăng ký tặng cho bà Phạm Thị Vân Anh. Xác lập thế chấp tại VPBank theo hợp đồng thế chấp công chứng số 24 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2018 tại văn phòng công chứng Thành An. Được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/01/2018 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh.

Như vậy, hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với khối tài sản thế chấp. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng có thế chấp tài sản đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật dân sự nên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu trường hợp không trả được nợ thì phải xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về án phí:* Buộc ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Vân A phải chịu 45.788.305 đồng (bốn mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi tám đồng, ba trăm linh năm

đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp khi khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 342, 463, điều 466, điều 468, điều 500, điều 503 Bộ luật dân sự; điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; điều 30, điều 85, điều 86, điều 147, điều 227, điều 273 BLTTDS; Điều 12 Nghị định số 163/2006 ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012 ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; điều 3 Nghị định 83/2010 ngày 23/7/2010; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 năm 2016 về quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Buộc ông Phạm Ngọc D, bà Phạm Thị Vân A phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng như sau: Nợ gốc: 991.656.804 đồng; nợ lãi: 240.178.312 đồng. Tổng cộng: 1.231.795.161 đồng (một tỷ, hai trăm ba mươi một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, một trăm sáu mươi một đồng).

Cụ thể:

Nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN1712290417415 ký ngày 3/1/2018 là nợ gốc: 899,993,866 đồng; nợ lãi: 205,262,188 đồng. Tổng cộng: 1,105,256,054 đồng

Nợ theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/LN0010234/201801/02 ngày 4/1/2018 là nợ gốc: 91,662,983 đồng; nợ lãi: 34,916,124 đồng. Tổng cộng: 126,539,107 đồng

Nếu ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A không trả hoặc trả không đủ cho VPBank thì xử lý tài sản thế chấp đảm bảo tiền vay gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại xóm 8, xã Ng, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BD 691056. Sổ vào cấp GCN: CH 13398/ số 112-QĐUBND(2012) do UBND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cấp ngày 11/01/2012. Ngày 03/01/2017, tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đăng ký tặng cho bà Phạm Thị Vân A. Xác lập thế chấp tại VPBank theo hợp đồng thế chấp công chứng số 24 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2018 tại văn phòng công chứng Thành An. Được đăng

ký giao dịch bảo đảm ngày 04/01/2018 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh.

Về án phí: ông Phạm Ngọc D và bà Phạm Thị Vân A phải chịu 48.953.855 đồng (bốn mươi tám triệu, chín trăm năm mươi ba, tám trăm năm mươi lăm đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0007280 ngày 23/07/2019.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm vụ án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS ND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự; người đại diện đs
- Lưu hồ sơ+VPTA.

Nguyễn Hữu Thái